

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-2-2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Lê Công Nhận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/2/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Tổ V, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N1, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1947; (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị N2, sinh năm 1953; (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Anh và chị Lê Thị N1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh không còn tình cảm với chị N1, chị N1 cũng không quan tâm chăm sóc đến anh. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị N1 nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên : Anh xác định anh và chị N1 không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lê Thị N1 trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như anh V đã khai. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019. Nay anh V làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh V không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Ý kiến người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn S, bà Trần Thị N2 trình bày : Vợ chồng chị N1- anh V sau thời gian sinh sống với nhau khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, chị N1 về nhà sinh sống với ông bà từ tháng 4/2019, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống chị N1- anh V không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và không có công sức đóng góp gia đình hai bên. Nay anh V làm đơn xin ly hôn, quan điểm của ông bà nhất trí anh chị ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Trịnh Tổ V ly hôn chị Lê Thị N1. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh V, chị N1, ông S, bà N2 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh V, chị N1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Việt và ý kiến của chị N1, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chỉ sống hạnh phúc khoảng vài tháng thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng không hợp nhau. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay; trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, anh V không còn tình cảm với chị N1 nên xin ly hôn chị N1, chị N1 nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh V, chị N1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của anh Trịnh Tổ V, xử cho anh V, chị N1 ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh Việt, chị Nhiên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 ; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Trịnh Tổ V ly hôn chị Lê Thị N1.

2. Về án phí: Anh Trịnh Tổ V phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008911 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, anh V đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

